

## CHAPTER I INTRODUCTORY REMARKS

Before entering upon the subject matter of the following articles of Initiation, on the Paths that open before the perfected man, and on the Occult Hierarchy, certain statements may be made which seem essential for the judicious study and comprehension of the ideas submitted.

### CHƯƠNG I

#### NHẬN XÉT MỞ ĐẦU

Trong các phần sau đây, trước khi bàn đến chủ đề Điểm Đạo, về các con đường mở ra trước bậc đã hoàn thiện, và về Thánh Đoàn Huyền Linh, chúng ta nên xác định một số vấn đề dường như thiết yếu cho việc nghiên cứu kỹ và hiểu thấu đáo các ý tưởng được trình bày.

The question arises as to the nature of perfection. Is there such a thing as a “perfect man”? In a way, “yes”, but it is a *relative* perfection—still perfect enough. Is the Planetary Logos perfect? Only relatively so, and very imperfect when compared with still greater Planetary Logoi. Is our Solar Logos perfect? Only relatively so, and very imperfect when compared, for instance, to the Logos of Sirius. And so it goes. Even the Logos of the entire cosmos is not perfect. There is but one perfect BEING—the ONE AND ONLY, immutable, forever the same. The use of the term “perfect” (which means “complete”) must always be considered in relation to other beings, and to the ONE PERFECT BEING, ITSELF.

Câu hỏi nêu ra liên quan tới bản chất của sự hoàn hảo. Liệu có gì như là “một người hoàn hảo” không? Theo một cách nào đó, “có”, nhưng đó là một sự hoàn hảo *tương đối*—mà vẫn đủ hoàn hảo. Liệu Hành tinh Thượng đế có hoàn hảo không? Chỉ tương đối vậy thôi, và rất không hoàn hảo khi so sánh với các Hành tinh Thượng đế vĩ đại hơn. Thái dương Thượng đế của chúng ta có hoàn hảo không? Cũng chỉ tương đối, và rất không hoàn hảo khi so sánh, ví dụ, với Đấng Thượng đế của Sirius. Và cứ như vậy. Ngay cả Thượng đế của toàn bộ vũ trụ cũng không hoàn hảo. Chỉ có một BẢN THỂ hoàn hảo—đấng CHỈ MỘT VÀ DUY NHẤT, bất biến, mãi mãi như vậy. Việc sử dụng thuật ngữ “hoàn hảo” (có nghĩa là “hoàn chỉnh”) phải luôn được xem xét trong mối quan hệ với những bản thể khác, và với MỘT BẢN THỂ HOÀN HẢO, CHÍNH LÀ NÓ.

#### Dogmatism and the Intuition

It is to be recognised that throughout this volume facts are alleged and definite statements made which are not susceptible of immediate proof by the reader. Lest

it be inferred that the writer arrogates to herself any credit or personal authority for the knowledge implied she emphatically disavows all such claims or representations. She cannot do otherwise than present these statements as matters of fact. Nevertheless, she would urge those who find somewhat of merit in these pages that they be not estranged by any appearance of dogmatism in the presentation. Nor should the inadequacy of the personality of the writer act as a deterrent to the open-minded consideration of the message to which her name happens to be appended. In spiritual issues, names, personalities, and the voice of external [Page 2] authority, hold small place. That alone is a safe guide which holds its warranty from inner recognition and inner direction. It is not, therefore, material whether the reader receive the message of these pages as a spiritual appeal in an idealistic setting, a presentation of alleged facts, or a theory evolved by one student and presented for the consideration of fellow students. To each it is offered for whatever of inner response it may evoke, for whatever of inspiration and of light it may bring.

### **Chủ Nghĩa Giáo Điều Và Trực giác**

Phải nhìn nhận rằng trong sách này có đưa ra những sự kiện và những điều minh định mà độc giả chưa thể có được bằng chứng. Vì e ngại có thể bị qui kết là tự xưng mình có uy tín hay thẩm quyền cá nhân nào đó về các kiến thức hàm chứa trong sách, nên tác giả dứt khoát từ bỏ mọi khẳng định hay tuyên bố thuộc loại này. Tác giả không thể làm sao khác hơn là trình bày những điều đó như các sự kiện có thực. Tuy nhiên, tác giả muốn khuyên những ai nhận thấy sách này có phần nào giá trị, là chớ nên bất bình vì bất cứ điều gì có về giáo điều trong lối trình bày, cũng như đừng để cho sự bất toàn của phạm ngữ của tác giả ngăn cản việc cứu xét một cách cởi mở, vô tư bức thông điệp mà tên tuổi của tác giả tình cờ được gắn vào. Trong các vấn đề tinh thần, thì danh xưng, những lời chỉ trích cá nhân, và tiếng nói của [2] thẩm quyền từ bên ngoài đều không có gì quan trọng. Chỉ có những điều nào được bảo đảm bởi các nhận thức và định hướng nội tâm mới là sự hướng dẫn an toàn. Bởi vậy, dù cho độc giả có đón nhận thông điệp chứa trong các trang sách này như là lời kêu gọi tinh thần dưới một hình thức lý tưởng, hoặc là việc trình bày các sự kiện giả định, hay là một luận thuyết do một môn sinh thảo ra và trao cho các bạn đồng môn xem xét, thì cũng chẳng sao. Sách này được hiến cho mỗi độc giả để xem nó có khơi dậy được sự ứng đáp nào trong tâm họ, hay nó có thể mang lại cho họ những nguồn ánh sáng và cảm hứng nào không.

Here we find that Alice Bailey is taking a position of humility. She, herself, believes in what she is saying. For her it is fact. But she takes no authoritative position with respect to the truth of what she imparts. To determine truth is the responsibility of the reader. Thus each reader is thrown back upon his or her own soul as an authority.

Several legitimate methods of regarding the teaching are presented. There is ample room for all these presentations. The importance of each reader as the arbiter of truth is emphasized. Thus, there is an appeal to the essential dignity of each disciple.

Ở đây chúng ta thấy rằng Alice Bailey đang ở một vị thế khiêm tốn. Bản thân bà tin vào những gì mình đang nói. Đối với bà đó là sự thật. Nhưng bà không có thẩm quyền đối với sự thật mà bà truyền đạt. Xác định sự thật là trách nhiệm của người đọc. Vì vậy, mỗi độc giả phải quay trở về linh hồn như một nhà thẩm quyền của chính mình.

Một số phương pháp hợp lệ về giáo lý được trình bày. Có thừa chỗ cho tất cả các trình bày này. Tầm quan trọng của mỗi độc giả với tư cách là người phân xử sự thật được nhấn mạnh. Như vậy, có một yêu cầu đối với việc phẩm cách thiết yếu của mỗi môn đệ.

In these days of the shattering of the old form and the building of the new, adaptability is needed. We must avert the danger of crystallisation through pliability and expansion. The "old order changeth," but primarily it is a change of dimension and of aspect, and not of material or of foundation. The fundamentals have always been true. To each generation is given the part of conserving the essential features of the old and beloved form, but also of wisely expanding and enriching it. Each cycle must add the gain of further research and scientific endeavour, and subtract that which is worn out and of no value. Each age must build in the product and triumphs of its period, and abstract the accretions of the past that would dim and blur the outline. Above all, to each generation is given the joy of demonstrating the strength of the old foundations, and the opportunity to build upon these foundations a structure that will meet the needs of the inner evolving life.

Trong thời đại hiện nay, khi các hình thức cũ đang tan rã và hình thức mới được tạo nên, chúng ta cần có tính thích nghi. Chúng ta phải tránh nguy cơ của sự kết tinh bằng thái độ uyển chuyển và cởi mở. "Trật tự cũ đã thay đổi", nhưng đó chính yếu là một sự thay đổi kích thước và chiều hướng, chứ không phải ở bản chất hay nền tảng. Những điều cơ bản vẫn luôn luôn đúng. Mỗi thế hệ có phận sự bảo tồn các tinh hoa của hình thức cũ đã được mến yêu, nhưng cũng phải khôn ngoan mà phát triển và làm cho chúng thêm phong phú. Mỗi chu kỳ phải góp thêm thành quả của mình trong các nỗ lực khoa học, các công trình khảo cứu sâu rộng hơn, và loại bỏ những gì đã lỗi thời, không còn giá trị. Mỗi thời đại phải thêm vào đó những sản phẩm, những thành tựu vẻ vang trong giai đoạn của mình, và loại trừ những cặn bã của quá khứ có thể làm lu mờ các đường lối thiêng liêng. Trên hết mọi sự, mỗi thế hệ được ban cho niềm vui khi thể hiện sức mạnh của các nền tảng cũ, và có cơ hội xây dựng trên đó một cấu trúc mới đáp ứng được các nhu cầu của sự sống nội tại đang tiến hóa.

We are passing through an amazing time of the shattering of the old and the building of the new. It is a fluid moment in history. The Age of Pisces is ending; the Age of Aquarius is beginning. We are in the midst of a 500 year period of overlap. While preserving the gain of the past, it is our duty to understand the principles upon which the Aquarian Age will unfold. We do not and dare not repudiate the excellences of the past, but new and relatively unfamiliar energies are emerging and they must be recognized, appropriated and utilized. This is not easy at the present time, because before the energies of the Age of Pisces will finally pass away (to return in approximately 23,000 years), they are emerging with renewed vigor (and in their more negative form). Thus there is a conflict between the new and the old, the seventh ray of magic and the seventh ray of devotion.

Chúng ta đang trải qua một thời kỳ đáng ngạc nhiên của sự đổ vỡ của cái cũ và sự xây dựng của cái mới. Đó là một thời điểm biến động trong lịch sử. Thời đại của Song Ngư đang kết thúc; Thời đại của Bảo Bình đang bắt đầu. Chúng ta đang ở giữa khoảng thời gian 500 năm giao thời. Trong khi bảo tồn thành quả của quá khứ, nhiệm vụ của chúng ta là phải hiểu các nguyên tắc mà Thời đại Bảo bình sẽ mở ra. Chúng ta không và không dám bác bỏ những thành tựu xuất sắc trong quá khứ, nhưng những năng lượng mới và tương đối xa lạ đang xuất hiện và chúng phải được công nhận, chiếm hữu và sử dụng. Điều này không hề dễ dàng vào thời điểm hiện tại, bởi vì trước khi nguồn năng lượng của Song Ngư cuối cùng sẽ qua đi (sẽ trở lại sau khoảng 23.000 năm), chúng đang nổi lên với sức sống mới (và ở dạng tiêu cực hơn). Do đó, có sự xung đột giữa cái mới và cái cũ, cung bảy của huyền thuật và cung sáu [ND: cung sáu] của lòng sùng tín.

### **Three basic facts to be recognised**

The ideas that are elaborated here find their corroboration in certain facts that are stated in the occult literature now extant. These facts are three in number, and are as follows:—

(a) In the creation of the sun and the seven sacred planets composing our solar system, our Logos employed matter that was already impregnated with particular qualities. Mrs. Besant in her book, "Avataras," (which some of [Page 3] us think the most valuable of all her writings, because one of the most suggestive), makes the statement that "our solar system is builded out of matter already existing, out of matter already gifted with certain properties . . ." (page 48). This matter, therefore, we deduce, held latent certain faculties that were forced to demonstrate in a peculiar way, under the law of Cause and Effect, as does all else in the universe.

### **Ba Sự Kiện Căn Bản Cần Được Nhận Thức**

Những ý tưởng được minh định ở đây có sự chứng thực của chúng qua một số sự kiện đã được phát biểu trong các tác phẩm huyền bí hiện nay vẫn còn. Có ba sự kiện, được kể ra như sau:

a. Để tạo nên mặt trời và bảy hành tinh thánh thiện hợp thành thái dương hệ chúng ta, Thái Dương Thượng Đế sử dụng vật chất đã thấm nhuần một số phẩm tính nào đó. Trong cuốn sách Các Đấng Hóa Thân (Avatars) của bà Besant, (mà một số [3] người trong chúng ta cho là có giá trị nhất trong tất cả các tác phẩm của bà, vì nó gợi ý nhiều nhất), bà Besant khẳng định rằng “Thái dương hệ của chúng ta được kiến tạo bằng loại vật chất đã hiện hữu, bằng loại vật chất đã được phú cho một số đặc tính ...” (trang 48 bản tiếng Anh). Vì thế chúng ta suy ra rằng vật chất này hàm chứa một số năng lực tiềm ẩn bị buộc phải biểu lộ theo một cách đặc thù, theo luật Nhân Quả, cũng như mọi thứ khác trong vũ trụ.

Here an important idea is suggested. We are in the midst of a series of *three* solar systems—three incarnations of our Solar Logos. Presently, we are experiencing the *second*. In all of Nature there is a Law of Occult Continuity. Just as the energies and forces of our most recent incarnations are influential and conditioning in our present incarnation, so it is for our Solar Logos. The energies, forces and patterns of His most recent incarnation strongly condition the way of life in His present incarnation, i.e., His expression through our present solar system with its seven sacred planets (and many, many more planets and planetoids—upwards of 115, plus thousands of asteroids).

As with a human being, new patterns of energy and force must be substituted for old patterns. This progressive substitution we call the Principles of Transmutation, Transformation and Transfiguration.

Một ý tưởng quan trọng được đề xuất ở đây. Chúng ta đang ở giữa một chuỗi *ba* thái dương hệ—*ba* hóa thân của Thái dương Thượng đế của chúng ta. Hiện tại, chúng ta đang trải nghiệm thái dương hệ *thứ hai*. Có một Định luật của sự Liên tục Huyền bí trong tất cả Vạn vật của Tự nhiên. Cũng giống như các năng lượng và mãnh lực của các hóa thân gần đây nhất của chúng ta có ảnh hưởng và đang quy định hóa thân hiện tại của chúng ta, đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng tương tự vậy. Các năng lượng, mãnh lực và kiểu mẫu của hóa thân gần đây nhất của Ngài quy định mạnh mẽ cách sống trong hóa thân hiện tại của Ngài, tức là, Sự biểu hiện của Ngài qua thái dương hệ hiện tại của chúng ta với bảy hành tinh thánh thiện của nó (và rất rất nhiều hành tinh và các planetoid khác—lên đến 115, cộng với hàng ngàn tiểu hành tinh).

Đối với một thực thể con người, những nguồn năng lượng và mãnh lực mới phải được thay thế cho những khuôn mẫu cũ. Sự thay thế tiến bộ này chúng ta gọi là Nguyên tắc Chuyển đổi, Chuyển hóa và Biến hình.

(b) All manifestation is of a septenary nature, and the Central Light which we call Deity, the one Ray of Divinity, manifests first as a Triplicity, and then as a Septenary. The One God shines forth as God the Father, God the Son, and God the Holy Spirit, and these three are again reflected through the Seven Spirits before the Throne, or the seven Planetary Logoi. The students of occultism of non-Christian origin may call these Beings the One Ray, demonstrating through the three major Rays and the four minor, making a divine Septenary. The Synthetic Ray which blends them all is the great Love-Wisdom Ray, for verily and indeed "God is Love." This Ray is the indigo Ray, and is the blending Ray. It is the one which will, at the end of the greater cycle, absorb the others in the achievement of synthetic perfection. It is the manifestation of the second aspect of Logoic life. It is this aspect, that of the Form-Builder, that makes this solar system of ours the most concrete of the three major systems. The Love or Wisdom aspect demonstrates through the building of the form, for "God is Love," and in that God of Love we "live and move and have our being," and will to the end of aeonian manifestation.

b. Toàn cuộc biểu hiện có bản chất thất phân, và Ánh Sáng Trung Ương mà chúng ta gọi là Thượng Đế, Cung (Ray) duy nhất của Thiên Tính, trước nhất biểu hiện thành Tam Vị Nhất Thể (Triplicity), rồi sau đó là Thất Nguyên (Septenary). Đấng Thượng Đế Duy Nhất biểu lộ thành Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, và cả ba vị này lại được phản ảnh qua Bảy Tinh Quân trước Thánh Tòa, hay là bảy Hành Tinh Thượng Đế. Các môn sinh huyền bí học không có nguồn gốc Thiên Chúa giáo có thể gọi các Đấng này là Cung Duy Nhất, thể hiện qua ba Cung chính và bốn Cung phụ, tạo thành một Thất Nguyên thiêng liêng. Cung Tổng Hợp hòa trộn tất cả là Cung Bác ái-Minh triết vĩ đại, bởi vì quả thật: "Thượng Đế là Bác Ái". Đây là Cung màu chàm và là Cung hòa hợp. Đây là Cung mà vào cuối đại chu kỳ sẽ hấp thu các Cung kia khi đã thành tựu được sự hoàn thiện tổng hợp. Đây là sự biểu hiện trạng thái thứ hai của Sự sống Thượng Đế. Chính trạng thái này, là trạng thái Kiến Tạo Hình Thể, khiến cho thái dương hệ chúng ta trở thành hệ thống cụ thể nhất trong ba hệ thái dương chính yếu. Trạng thái Bác ái hay Minh triết thể hiện qua việc kiến tạo hình hài, vì "Thượng Đế là Bác ái", và trong Thượng Đế Bác ái này, chúng ta "sống, vận động và hiện tồn", và sẽ tiếp tục như thế cho đến cuối cuộc biểu lộ vô tận.

Different ways of viewing the One, the Three and the Seven are here presented. Numbers are Archetypal Beings. Different traditions speak of these Beings in diverse ways, but Their essential nature is the same—no matter how colored by various religious, philosophical, mythological or occult presentations.

Although there are many succeeding divisions following the One, the Three and the Seven (for instance—the Twelve, the Fourteen, the Fifteen, the Twenty-One, the Twenty-Eight, the Thirty-Five, the Forty-Nine, etc.), all of these Archetypes or Entities are, nevertheless, One Great Synthetic Entity. The color of this Entity is given—*indigo blue*, and its musical note is 'G'.

Ở đây trình bày các cách khác nhau để xem xét Một, Ba và Bảy. Các con số là các Thực thể Nguyên mẫu. Các truyền thống khác nhau nói về những Thực thể này theo nhiều cách khác nhau, nhưng bản chất cơ bản của các Ngài là giống nhau—bất kể được nhuộm màu như thế nào bởi các cách trình bày khác nhau của tôn giáo, triết học, thần thoại hoặc huyền bí.

Mặc dù có nhiều sự phân chia kế tiếp theo sau Một, Ba và Bảy (ví dụ—Mười hai, Mười bốn, Mười lăm, Hai mươi mốt, Hai mươi tám, Ba mươi lăm, Bốn mươi chín, v.v. ), tất cả các Nguyên mẫu hoặc Thực thể này, tuy vậy, đều là Một Thực thể Tổng hợp Vĩ đại. Màu của Thực thể này là—*màu xanh chàm* và nốt của Ngài là nốt ‘G’ (Sol).

It is interesting to consider that our solar system (the second in a series of three—{some say it is a series of *seven*}) is the most concrete—more concrete than the one preceding or the one following. The great Second Ray of Love-Wisdom is the *form builder*; hence, the concretion of our present system.

Thật thú vị khi thấy rằng thái dương hệ của chúng ta (thái dương hệ thứ hai trong chuỗi gồm ba thái dương hệ—{một số người cho rằng nó là một chuỗi bảy thái dương hệ}) là cụ thể nhất—cụ thể hơn thái dương hệ trước hoặc sau. Cung hai vĩ đại của Bác ái-Minh triết là người kiến tạo hình hài; do đó, có sự cụ thể hóa hệ thống hiện tại của chúng ta.

From the point of view of *consciousness*, perhaps we could say that the first solar system was the most concrete, and the last solar system (or *Will* system) will be the least concrete. In any case, in this solar system, we are learning to disengage from preoccupation with matter, and consciously enter the realm of *consciousness*. We become the Observer—not merely the Actor.

It is important to realize that standard Christian terminology accords very well with the terminology of occultism. In all the great religio-philosophical presentations of Truth, there is really no great variation. The conflicts arising between the adherents of the various systems arise in the little minds of men and must be solved by the expansion of consciousness afforded by soul infusion.

Từ quan điểm của *tâm thức*, có lẽ chúng ta có thể nói rằng thái dương hệ thứ nhất là cụ thể nhất, và thái dương hệ cuối cùng (hay thái dương hệ *Ý chí*) sẽ ít cụ thể nhất. Dù sao đi nữa, trong thái dương hệ này, chúng ta đang học cách thoát khỏi mối bận tâm về vật chất và tiến vào lĩnh vực *tâm thức* một cách hữu thức. Chúng ta trở thành Người quan sát—không chỉ đơn thuần chỉ là Người Hành Động.

Điều quan trọng là nhận ra rằng thuật ngữ Cơ đốc giáo tiêu chuẩn rất phù hợp với thuật ngữ của Huyền linh học. Trong tất cả các trình bày triết học tôn giáo vĩ đại về Chân lý, thực ra không có sự khác biệt lớn nào. Những xung đột nảy sinh giữa những người tuân theo các hệ thống khác nhau nảy ra trong cái trí nhỏ bé của con người và phải được giải quyết bằng cách mở rộng tâm thức nhờ sự thấm nhập của linh hồn.

(c) The seven planes of Divine Manifestation, or the seven major planes of our system, are but the seven subplanes of the lowest cosmic plane. The seven Rays of which [Page 4] we hear so much, and which hold so much of interest and of mystery, are likewise but the seven sub-rays of one cosmic Ray. The twelve creative Hierarchies are themselves but subsidiary branches of one cosmic Hierarchy. They form but one chord in the cosmic symphony. When that sevenfold cosmic chord, of which we form so humble a part, reverberates in synthetic perfection, then, and only then, will come comprehension of the words in the Book of Job: "The morning stars sang together." Dissonance yet sounds forth, and discord arises from many systems, but in the progression of the aeons an ordered harmony will eventuate, and the day will dawn when (if we dare speak of eternities in the terms of time) the sound of the perfected universe will resound to the uttermost bounds of the furthest constellation. Then will be known the mystery of "the marriage song of the heavens."

c. Bảy cõi của Sự Biểu Lộ Thiên Linh, hay bảy cõi chính của thái dương hệ chúng ta chỉ là bảy cõi phụ của cõi vũ trụ thấp nhất. [4] Tương tự như vậy, bảy Cung mà chúng ta nghe nói nhiều, và nắm giữ rất nhiều tầm quan trọng và bí nhiệm, chỉ là bảy cung phụ của một Cung vũ trụ. Chính mười hai Huyền Giai sáng tạo chỉ là các nhánh phụ của một Huyền Giai vũ trụ. Chúng tạo thành một hợp âm trong bản giao hưởng vũ trụ. Khi hợp âm vũ trụ thất phân đó, mà trong đó chúng ta chỉ là một phần rất nhỏ, ngân vang trong sự hoàn thiện tổng hợp, thì chừng đó và chỉ chừng đó, chúng ta mới hiểu được các lời trong Thánh Thư Job: "Những ngôi sao mai đã cùng hòa ca". Hiện nay sự bất hòa vẫn còn vang rền, và sự xung khắc vẫn còn nổi lên từ nhiều thái dương hệ, nhưng qua những chu kỳ lâu dài, một sự hài hòa sẽ tuần tự kết thành, rồi sẽ đến ngày mà (nếu chúng ta có thể dùng thời gian để nói về các chu kỳ vĩnh cửu) âm thanh của vũ trụ hoàn thiện sẽ vang dội đến tận những ranh giới ngoài cùng của các chòm sao xa xôi nhất. Bấy giờ người ta sẽ biết được bí nhiệm của "ca khúc phối ngẫu của các cõi trời".

Here the Tibetan speaks of greater and lesser planes, of greater and lesser rays. It is important to keep all factors in perspective. We are always discovering that the sevenfold world in which we live, is simply one-seventh of a still greater world, which, itself, is no doubt, but a seventh of a still greater system of some kind.

Ở đây Chân sư Tây Tạng nói về những cõi giới cao và thấp, về những cung chính và phụ. Điều quan trọng là phải giữ tất cả các yếu tố trong quan điểm. Chúng ta



luôn khám phá ra rằng cõi thứ bảy mà chúng ta đang sống chỉ đơn giản là một phần bảy của một cõi giới vĩ đại hơn, mà bản thân nó, không còn nghi ngờ gì nữa, là một phần bảy của một hệ thống còn vĩ đại hơn nữa.

The Ray of our Solar Logos lies behind and infuses the seven rays of each of the seven major Planetary Logoi. The same is true of the Twelve Creative Hierarchies (or twelve orders of spirits/monads)—the twelve are but one. Musical analogies are offered, and, indeed, one who wishes to understand cosmos, must understand music, for our Solar Logos is singing His own note, as are each of the Planetary Logoi, and each of the Creative Hierarchies. The many (sung or sounded simultaneously) are creating great *chords*, which characterize the unified expression of the related many. The many geometries are combining to form the One Universal Geometric Figure.

Cung của Thái dương Thượng đế của chúng ta nằm phía sau và thấm nhập bảy cung của mỗi một trong số bảy hành tinh Thượng đế chính. Điều này cũng đúng với Mười hai huyền giai sáng tạo (hoặc mười hai cấp bậc linh hồn / chân thần)—mười hai chỉ là một. Các phép so sánh tương đồng về âm nhạc được đưa ra, và thực sự, ai muốn hiểu vũ trụ, phải hiểu âm nhạc, vì Thái dương Thượng đế của chúng ta đang ngân lên nốt của chính Ngài, cũng như từng hành tinh Thượng đế, và từng Huyền giai sáng tạo. Các âm này (được ngân hoặc phát ra đồng thời) đang tạo ra các *hợp âm* tuyệt vời, đặc trưng cho sự biểu đạt thống nhất của các thực thể liên quan. Nhiều hình học đang kết hợp để tạo thành Một Hình hình học Phổ quát.

The Tibetan Teacher ends with a perfectly beautiful image of a time of universal harmony, when the “morning stars” will sing together. Already (on the archetypal planes they are singing in a manner we would call ‘perfect’). All the many colors are in the process of coalescing into an harmonious rainbow; the many notes are uniting to form harmonious universal chords.

In our lower worlds we are acutely aware of dissonances. Much harmonization remains to be accomplished—both microcosmically and macrocosmically. The entire theme of our spiritual progress is the *resolution of dissonances*—first dissonances between the personality vehicles of man; then dissonances between the personality and the soul; and, finally, dissonances between the soul-infused personality and the spirit. In the resolution of dissonances lies much pain, but the final outcome is happiness, joy and bliss.

CS Tây Tạng kết thúc bằng một hình ảnh đẹp đẽ hoàn hảo về một thời kỳ hòa hợp toàn thể, khi những “ngôi sao ban mai” sẽ hát cùng nhau. Đã có (trên các cõi nguyên mẫu họ đang hát theo cách mà chúng ta gọi là 'hoàn hảo'). Tất cả các màu sắc đang trong quá trình kết hợp lại thành một cầu vồng hài hòa; nhiều nốt hợp nhất để tạo thành các hợp âm toàn thể hài hòa.

Trong các cõi giới thấp hơn của chúng ta, chúng ta nhận thức sâu sắc về sự bất hòa. Vẫn còn nhiều sự hài hòa cần phải đạt được—cả về phương diện vi mô và vĩ mô. Toàn bộ chủ đề của sự tiến bộ tâm linh của chúng ta là *việc giải quyết những bất hòa*—trước tiên là những bất hòa giữa các phương tiện phạm ngã của con người; rồi những bất hòa giữa phạm ngã và linh hồn; và cuối cùng là những bất hòa giữa phạm ngã được linh hồn thấm nhập/thấm nhuần và tinh thần. Trong việc giải quyết những mối bất hòa ẩn chứa nhiều nỗi đau, nhưng kết quả cuối cùng là hạnh phúc, vui vẻ và chí phúc.

### Five points to remember

The reader is also asked to remember and weigh certain ideas prior to taking up the study of Initiation. Due to the extreme complexity of the matter it is an utter impossibility for us to do more than get a general idea of the scheme; hence the futility of dogmatism. We can do no more than sense a fraction of some wonderful whole, utterly beyond the reach of our consciousness,—a whole that the highest Angel or Perfected Being is but beginning to realise.

### Năm Điểm Cần Nhớ

Độc giả được yêu cầu phải nhớ và cân nhắc một số ý tưởng trước khi tiến hành nghiên cứu về Điểm Đạo. Vì sự vô cùng phức tạp của vấn đề nên chúng ta hoàn toàn không thể làm gì hơn là đạt đến một ý niệm tổng quát về cơ tiến hóa; bởi vậy có thái độ giáo điều cũng chỉ vô ích. Chúng ta chỉ có thể cảm nhận một phần của cái toàn thể kỳ diệu, hoàn toàn vượt quá nhận thức của chúng ta,—một toàn thể mà ngay đến vị Thiên Thần cao cả nhất, hay một Đấng Trọn Lành, cũng chỉ mới bắt đầu ý thức được.

In the paragraph above we are given a sense of proportion. Who are we (tiny “man”) to seek to understand cosmos, when even the highest angel or perfected being can only begin to do so. One of the first thing to be established in any student of the Mysteries, is a sense of proportion. Such a sense is easy to talk about but difficult to achieve, for it necessitates much living and much experience.

The Tibetan is wise to emphasize the impossibility of dogmatism, or utterly authoritative, complete statements which admit of no expansion. We are but learning the ABC’s no matter how profound and wonderful they may seem. If we can keep our sense of proportion as we read, we will avoid falling into glamor and illusion—two factors which any student of the Mysteries must cautiously avoid. There is much potential inflation upon this Path to the Light, and distortions can easily seize upon the unwary. Even those who are cautious must be still *more* cautious.

Trong đoạn trên, chúng ta được ban cho một ý thức về tỷ lệ. Chúng ta (“con người” nhỏ bé) là ai, tìm kiếm để hiểu biết về vũ trụ, khi ngay cả thiên thần cao nhất hay Đấng hoàn thiện cũng chỉ có thể bắt đầu làm như vậy. Một trong những điều đầu tiên được thiết lập ở bất kỳ học viên nào của Huyền môn (Mysteries), là ý thức về tỷ lệ. Ý thức như vậy thì dễ nói nhưng khó đạt được, vì nó đòi hỏi phải có nhiều trải nghiệm sống và kinh nghiệm.

Chân Sư Tây Tạng rất minh triết khi nhấn mạnh đến tính không thể của chủ nghĩa giáo điều, hoặc những tuyên bố hoàn toàn khẳng định, không cho phép bất kỳ sự mở rộng nào. Chúng ta đang chỉ học những điều ABC cho dù những điều ấy có vẻ sâu sắc và tuyệt vời đến đâu. Nếu chúng ta có thể giữ được ý thức về tỷ lệ khi đọc, chúng ta sẽ tránh rơi vào ảo cảm và ảo tưởng—hai yếu tố mà bất kỳ học viên Huyền môn phải thận trọng tránh. Có rất nhiều sự phóng đại tiềm ẩn trên Con đường dẫn đến ánh sáng này, và sự bóp méo có thể dễ dàng tóm lấy kẻ khinh suất. Ngay cả những người thận trọng vẫn phải thận trọng hơn.

When we recognise the fact that the average man is as yet fully conscious only on the physical plane, nearly conscious on the emotional plane, and only developing the consciousness of the mental plane, it is obvious that his comprehension of cosmic data can be but rudimentary. When we recognise the further fact, that to be conscious on a plane and to have control on that plane are two very different conditions, it becomes apparent how remote is the possibility of our approximating more than the general trend of the cosmic scheme.

**Khi chúng ta nhận ra sự thật là hiện nay, một người bình thường chỉ hoàn toàn có ý thức trên cõi hồng trần, có ý thức gần đầy đủ trên cõi cảm dục, và chỉ đang phát triển tâm thức trên cõi trí tuệ, thì hiển nhiên là y chỉ hiểu được những điều cơ bản của các dữ kiện vũ trụ. Khi chúng ta nhận biết thêm rằng có ý thức trên một cõi và chế ngự được cõi đó là hai điều kiện rất khác nhau, thì rõ ràng là còn biết bao lâu nữa chúng ta mới có thể thấu hiểu được nhiều hơn cái xu hướng tổng quát của hệ thống vũ trụ.**

The Tibetan is gently putting us in our place and thus, inducing a healthy state of mind. If one considers the state of consciousness of many students of spirituality, one will discover a sad lack of proportion. The small is made to seem big, and the big, little. We human beings have not yet the mind to see things as they are—in fact. We are being led out of profound darkness into a blinding light, and it will take centuries, even millennia for our ‘eyes’ to adjust. We are also admonished that there is a difference between *knowing* and *doing*.

Chân sư Tây Tạng nhẹ nhàng đặt chúng ta vào vị trí của chúng ta, và do đó, tạo ra một trạng thái trí tuệ khỏe mạnh. Nếu xem xét tình trạng tâm thức của nhiều học

viên tâm linh, người ta sẽ phát hiện ra một sự thiếu tỷ lệ đáng buồn. Cái nhỏ được làm ra lớn, và cái lớn, lại nhỏ. Con người chúng ta vẫn chưa có trí tuệ để nhìn mọi thứ như nó vốn là—trên *thực tế*. Chúng ta đang được dẫn ra khỏi bóng tối sâu thẳm để đi tới ánh sáng chói lòa, và sẽ mất hàng thế kỷ, thậm chí hàng thiên niên kỷ để "đôi mắt" của chúng ta điều chỉnh. Chúng ta cũng được khuyến cáo rằng có sự khác biệt giữa *biết* và *làm*.

[Page 5]

We must recognise also that danger lies in dogma and in the hide-bound facts of textbooks, and that safety lies in flexibility, and in a shifting angle of vision. A fact, for instance, looked at from the standpoint of humanity (using the word "fact" in the scientific sense as that which has been demonstrated past all doubt and question) may not be a fact from the standpoint of a Master. To Him it may be but part of a greater fact, only a fraction of the whole. Since His vision is fourth and fifth dimensional, His realisation of the place of time in eternity must be more accurate than ours. He sees things from above downwards, and as one to whom time is not.

[5] Chúng ta cũng phải nhận ra mối nguy ẩn trong giáo điều và các sự kiện hẹp hòi bảo thủ trong sách vở, và biết rằng chúng ta chỉ được an toàn khi có ý thức linh động và nhìn vấn đề dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Chẳng hạn, một sự kiện xét theo lập trường của nhân loại (từ "sự kiện" ("fact") được dùng theo nghĩa khoa học, tức là điều đã được chứng minh, không còn gì nghi ngờ, thắc mắc) thì có thể không phải là một sự kiện theo lập trường của một vị Chân Sư. Đối với Ngài, nó có thể chỉ là một phần của một sự kiện lớn hơn, chỉ là một bộ phận của cái toàn thể. Vì tầm nhìn của Ngài thấu đến bề đo thứ tư và thứ năm, nên nhận thức của Ngài về giá trị của thời gian trong vĩnh cửu phải đúng đắn hơn chúng ta. Ngài thấy các sự vật từ trên xuống dưới, và ở cương vị của một người thấy thời gian không tồn tại.

Again, we are reminded of *relativity*. Einstein's Theory of Relativity appeared first in 1906. This great thinker was but voicing an aspect of the Ageless Wisdom, known for ages by the sages who are the custodians of the Mysteries. Occultism envisions a many-dimensional universe. The Theory of Relativity applied only the physical and etheric dimensions of cosmos. When the Tibetan speaks of the fourth and fifth dimensions (and fourth and fifth dimensional vision), He is speaking of the buddhic and atmic planes and the intuitional and dynamic faculties which pertain to those planes. A Master of the Wisdom is especially focussed on these two planes.

The Tibetan uses an interesting phrase: "the place of time in eternity". From one perspective, an initiate is one who has overcome the conventional sense of time (so conditioned by the limitations of brain consciousness) and is beginning to apprehend the meaning of eternity which is *both* cyclic and endless in duration. To the Master, time is no longer the limitation (or the seeming reality) it is to us. He lives in the

Presence, and in that Presence, the *present moment* (strangely *eternal* in duration) is the one reality.

Fundamental mysteries pertaining to time and space are solved and the third initiation. This initiation is the pivot between time and eternity. In our highest moment (our "peak experiences") we can, perhaps, catch a glimmer of the state of consciousness in which the Master perpetually lives.

Một lần nữa, chúng ta được nhắc về *tính tương đối*. Thuyết Tương đối của Einstein xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1906. Nhà tư tưởng vĩ đại này đã nói lên một khía cạnh của Minh triết Ngàn đời, được biết đến bởi các nhà hiền triết, những người trông nom Huyền môn qua nhiều thời đại. Huyền linh học hình dung ra một vũ trụ nhiều chiều. Thuyết Tương đối chỉ áp dụng vào các chiều vật lý và dĩ thái của vũ trụ. Khi Chân Sư Tây Tạng nói về chiều không gian thứ tư và thứ năm (và nhấn quan chiều thứ tư và thứ năm), thì Ngài đang nói về các cõi bồ đề và cõi ý chí atma, và các quan năng trực giác và quan năng năng động thuộc về các cõi đó. Một Chân Sư Minh triết đặc biệt tập trung vào hai cõi này.

Chân Sư Tây Tạng sử dụng một cụm từ thú vị: "vị trí của thời gian trong vĩnh cửu". Từ một khía cạnh, điểm đạo đồ là người đã vượt qua cảm giác thông thường về thời gian (bị quy định bởi những giới hạn của tâm thức não bộ) và bắt đầu hiểu được ý nghĩa của vĩnh cửu, mà kỳ gian (duration) của nó vừa có tính chu kỳ lẫn vô tận. Đối với Chân Sư, thời gian không còn là giới hạn (hay đường như là thực tại) như đối với chúng ta. Ngài sống trong Sự Hiện Diện, và trong sự Hiện Diện đó, *khoảnh khắc hiện tại* (mà kỳ gian lại *vĩnh cửu* một cách kỳ lạ) là thực tại duy nhất.

Những bí ẩn cơ bản thuộc về thời gian và không gian được giải đáp vào cuộc điểm đạo thứ ba. Cuộc điểm đạo này là điểm mấu chốt giữa thời gian và vĩnh cửu. Trong khoảnh khắc cao tột của chúng ta ("những trải nghiệm đỉnh cao" của chúng ta), có lẽ, chúng ta có thể bắt được một tia sáng le lói của trạng thái tâm thức mà Chân Sư sống trong đó thường hằng.

An inexplicable principle of mutation exists in the Mind of the Logos, or the Deity of our solar system, and governs all His actions. We see but the ever changing forms, and catch glimpses of the steadily evolving life within those forms, but as yet have no clue to the principle which works through the shifting kaleidoscope of solar systems, rays, hierarchies, planets, planes, schemes, rounds, races, and sub-races. They interweave, interlock, and interpenetrate each other, and utter bewilderment is ours as the wonderful pattern they form unfolds before us. We know that somewhere in that scheme we, the human hierarchy, have our place.

Một nguyên lý biến dịch chưa thể giải thích được vẫn tồn tại trong Trí Thượng Đế, hay Thượng Đế của thái dương hệ chúng ta, và chi phối mọi hành động của Ngài. Chúng ta chỉ thấy các hình thể hằng thay đổi, và thoáng thấy sự sống thường hằng tiến hóa bên trong các hình thể đó, nhưng vẫn chưa tìm ra manh mối của cái nguyên lý tác động xuyên qua chiếc kính vạn hoa luôn luôn biến chuyển gồm các thái dương hệ, các cung, các huyền giai, hành tinh, cõi, hệ thống, các vòng tuần hoàn, các giống dân chính và các giống dân phụ. Tất cả đều đan vào nhau, liên kết nhau, xuyên thấu lẫn nhau, khiến chúng ta hoàn toàn sửng sờ trước mô hình kỳ diệu của chúng bày ra trước mắt. Chúng ta biết rằng giới nhân loại chúng ta có một vị thế nào đó trong đại cuộc.

The unfoldment of cosmos appears kaleidoscopic. This is simply because we do not have a sufficient knowledge of cycles. Such knowledge is not granted until the fifth initiation, in which “all knowledge” (again, relatively) is achieved.

Certain important words are used in this section—“solar systems, hierarchies, planes, planes, schemes, rounds, races, and sub-races”. Each of these has a location (dimensionally) and a duration, and a quality and quantity. When an understanding of these is achieved, our planet, solar system (and to an extent, the cosmos) will appear far more coordinated and orderly. The principal Ray of our solar system, the Second Ray of Love-Wisdom, is called the “Ray of the Divine Pattern”. Under the instruction imparted by the agents of this Ray, we can begin to apprehend the great patterns in which we are living and moving and having our being. Any attempt to reduce bewildering complexity to a pattern is a step in the right direction. To this end, a study of the astrology, rayology, numerology and the science of cycles are extremely useful.

Sự khai mở của vũ trụ giống như kính vạn hoa. Điều này đơn giản là vì chúng ta không có kiến thức đầy đủ về các chu kỳ. Kiến thức này không được cung cấp cho đến lần điểm đạo thứ năm, trong đó “tất cả kiến thức” (một lần nữa, một cách tương đối) đạt được.

Một số từ quan trọng nhất định được sử dụng trong phần này—“các thái dương hệ, các huyền giai, các cõi giới, các hệ thống hành tinh, các vòng tuần hoàn, các căn chủng và phụ chủng”. Mỗi thứ này đều có một vị trí (về mặt chiều kích) và một thời hạn, và một tính chất và số lượng. Khi sự hiểu biết về những điều này đạt được, hành tinh, thái dương hệ của chúng ta (và ở một mức độ nào đó, vũ trụ) sẽ có vẻ thống nhất và trật tự hơn nhiều. Cung chính trong thái dương hệ của chúng ta, Cung thứ hai của Bác ái—Minh triết, được gọi là “Cung của Khuôn mẫu Thiên thiêng liêng”. Dưới sự hướng dẫn của các tác nhân của Cung này, chúng ta có thể bắt đầu hiểu được những khuôn mẫu tuyệt vời mà chúng ta đang sống, chuyển động và hiện tồn. Bất kỳ nỗ lực nào để giảm bớt sự phức tạp vốn gây hoang mang cho một khuôn

mẫu đều là một bước đi đúng hướng. Tóm lại, một nghiên cứu về chiêm tinh học, khoa học về cung, thần số học và khoa học về chu kỳ là vô cùng hữu ích.

All, therefore, that we can do is to seize upon any data that seems to affect our own welfare, and concerns our own evolution, and from the study of the human being in the three worlds seek to understand somewhat the macrocosm. We know not how the one can become the three, the three become the seven, and so proceed to inconceivable differentiation. To human vision this interweaving of the system forms an unimaginable complexity, the key to which seems not to be forthcoming. Seen from the angle of a Master we know that all proceeds in ordered sequence. Seen from the angle of divine vision the whole will move [Page 6] in harmonious unison, producing a form geometrically accurate.

Thế nên tất cả những gì chúng ta có thể làm là nắm lấy bất cứ dữ liệu nào có vẻ ảnh hưởng đến phúc lợi của chính chúng ta, liên quan đến cuộc tiến hóa của chính chúng ta, và từ việc nghiên cứu về con người trong tam giới (1), tìm cách thấu hiểu phần nào về đại vũ trụ. Chúng ta không biết cách nào mà một có thể trở thành ba, ba trở thành bảy, và cứ thế mà tiếp diễn đến mức biến phân vô tận. Với tầm mắt của nhân loại thì sự đan kết cấu thành thái dương hệ thật phức tạp không thể tưởng, mà chìa khóa thì dường như chưa thể tìm thấy trong thời gian tới. Từ tầm nhìn của một vị Chân Sư, chúng ta thấy tất cả đều đang diễn biến trong một trình tự chuẩn mực. Theo quan điểm thiêng liêng, ta sẽ thấy toàn thể [6] đang vận hành một cách nhất quán hài hòa, tạo nên một hình thể chính xác về mặt hình thức.

The Tibetan is offering several perspectives—and the sight from each differs profoundly—the human being, the Master, and that of a Chohan (or still higher Master—from Whose perspective “divine vision” is possible). We human beings see principally disorder and chaos. Some of the more intelligent among us, and those with greater incarnational experience are beginning to grasp the order of things, which a Master always sees. Beings still greater than a Master see all moving together in the “Eternal Now”, and know beyond all doubt that “God geometrizes”. One can reasonably think that Pythagoras and Plato (a great beings on the second ray) were beginning to understand the profundity of God as the “Great Geometrician”.

Chân Sư Tây Tạng đưa ra một số quan điểm—và cái nhìn từ mỗi góc độ khác nhau một cách sâu sắc—con người, Chân sư, và một Chohan (Đấng còn cao hơn cả Chân Sư, mà—từ vị trí của Ngài, có được “tầm nhìn thiêng liêng”). Con người chúng ta nhìn thấy chủ yếu là sự rối loạn và hỗn loạn. Một số người trong chúng ta thông minh hơn, và những người có nhiều kinh nghiệm nhập thế hơn đang bắt đầu nắm bắt được trật tự của mọi thứ, điều mà một Chân sư luôn thấy. Những Thực thể vĩ đại hơn Chân sư vẫn nhìn thấy tất cả cùng chuyển động trong “Hiện tại vĩnh cửu”,

và biết mà không chút nghi ngờ rằng “Thượng Đế tạo hình theo hình học”. Người ta có thể nghĩ một cách hợp lý rằng Pythagoras và Plato (những vĩ nhân cùng hai) đã bắt đầu hiểu được sự sâu sắc của Thượng đế với tư cách là “Nhà tạo hình Vĩ đại”.

Incidentally, to see all in “harmonious unison” would mean the perfection of buddhic vision. To see all things in complete geometric accuracy, would suggest the vision of the monadic plane from which Divine Geometry emanates—as far as we human beings are concerned.

Một cách ngẫu nhiên, để nhìn tất cả trong “sự thống nhất hài hòa” có nghĩa là sự hoàn hảo của nhãn quan bồ đề. Để nhìn tất cả mọi thứ với độ chính xác hình học hoàn toàn, sẽ cần có một nhãn quan của cõi chân thần mà từ đó Hình học Thiêng Liêng phát ra—trong chừng mực liên quan đến con người chúng ta.

Browning had hold of a part of this truth when he wrote:

*"All's change, but permanence as well" ... and continued:*

*"Truth inside, and outside, truth also; and between each, falsehood that is change, as truth is permanence."*

*"Truth successively takes shape, one grade above its last presentment ..."*

Browning đã thấu được một phần chân lý này khi ông viết:

*“Tất cả đều biến đổi, tuy nhiên, lại thường tồn”... và ông tiếp*

*“Chân lý ở nội tâm, và ở ngoại cảnh, đều là chân lý, trong đó cái giả tạm thì biến đổi, còn chân lý thì thường tồn.”*

*“Chân lý liên tục biểu hiện, luôn luôn ở một mức cao hơn cách phô bày trước đó...”*

It has been suggested by Dr. Douglas Baker that the English poet laureate, Robert Browning was a second ray soul. Alice Bailey seems to suggest this as well. The idea of “truth as permanence” is principally a second ray, Platonic idea. Change is related to the third ray, to lie, deception, and illusion. After every season of change, comes a clarification in which the great archetypes are reflected in experience. We are passing through great periods of change and uncertainty, but before long the prevailing Truths will again display themselves, and we shall know with greater certainty the true “Pattern in the Heavens”.



Tiến sĩ Douglas Baker đã gợi ý rằng thi sĩ đoạt giải thơ nước Anh, Robert Browning là một linh hồn cung hai. Alice Bailey dường như cũng gợi ý điều này. Ý tưởng về “sự thật là vĩnh hằng” về cơ bản là một ý tưởng cung 2 của Platon. Sự thay đổi liên quan đến cung ba, đối trá, lừa gạt và ảo tưởng. Sau mỗi thời kỳ thay đổi, sẽ có một sự sáng tỏ mà trong đó các nguyên mẫu gốc tuyệt vời được phản ánh qua trải nghiệm. Chúng ta đang trải qua những thời kỳ thay đổi lớn và bất định, nhưng chẳng bao lâu nữa, những Chân lý phổ biến sẽ lại hiển thị, và chúng ta sẽ biết chắc chắn hơn về “Khuôn mẫu trên các Thiên đường” thực sự.

In poetic form, Browning has given us a vision of the World of Being and the World of Becoming—the latter intended to faithfully reflect the former. Each human being is *both* being and becoming. For practical purposes, one can think of the personality as related to the World of Becoming and the soul as related to the World of Being. Later, the monad will reflect the World of Being. One of the paradoxes which every initiate must master is the seeing contradiction between change and changelessness. The Master Koot-Hoomi is said to have said: “Brahman and Samsara are one”. This is profound truth reflecting the identity of the ABSOLUTE and the ever-shifting world of change and illusion.

Dưới hình thức thơ, Browning đã cho chúng ta một tầm nhìn về Thế giới của Hiện hữu và Thế giới của Sự trở thành—cái sau nhằm phản ánh trung thực cái trước. Mỗi con người vừa hiện hữu vừa trở thành. Đối với các mục đích thực tế, người ta có thể nghĩ rằng phạm ngã liên quan đến Thế giới trở thành và linh hồn liên quan đến Thế giới bản thể. Sau đó, chân thần sẽ phản ánh Thế giới của Bản thể. Một trong những nghịch lý mà mọi điểm đạo đồ phải nắm vững là sự mâu thuẫn nhìn thấy giữa sự thay đổi và sự không thay đổi. Chân sư Koot-Hoomi được cho là đã nói: "Brahman và Samsara là một". Đây là sự thật sâu sắc phản ánh sự đồng nhất của TUYỆT ĐỐI và thế giới luôn dịch chuyển của sự biến đổi và ảo tưởng.

We must remember also that beyond a certain point it is not safe nor wise to carry the communication of the facts of the solar system. Much must remain esoteric and veiled. The risks of too much knowledge are far greater than the menace of too little. With knowledge comes responsibility and power—two things for which the race is not yet ready. Therefore, all we can do is to study and correlate with what wisdom and discretion may be ours, using the knowledge that may come for the good of those we seek to help, and recognising that in the wise use of knowledge comes increased capacity to receive the hidden wisdom. Coupled also with the wise adaptation of knowledge to the surrounding need must grow the capacity for discreet reservation, and the use of the discriminating faculty. When we can wisely use, discreetly withhold, and soundly discriminate, we give the surest guarantee to the watching Teachers of the race that we are ready for a fresh revelation.

Chúng ta cũng phải nhớ rằng vượt quá một giới hạn nào đó thì là không an toàn mà cũng không khôn ngoan khi truyền đạt các sự kiện về thái dương hệ. Nhiều điều còn phải được giữ kín ở cấp nội môn. **Biết quá nhiều còn nguy hiểm hơn là biết quá ít. Kiến thức bao hàm trách nhiệm và quyền lực,—hai điều mà nhân loại còn chưa sẵn sàng.** Thế nên chúng ta chỉ có cách là nghiên cứu và liên hệ lại với mức độ minh triết và phán đoán đúng đắn có được nơi mình, sử dụng phần kiến thức có thể nhận được cho lợi ích của những người mà ta tìm cách giúp đỡ, và nhận biết rằng, khi sử dụng kiến thức một cách khôn ngoan, chúng ta sẽ càng ngày càng có khả năng tiếp nhận nguồn minh triết ẩn tàng. Song song với việc áp dụng khôn ngoan các kiến thức và nhu cầu của môi trường chung quanh, còn phải phát triển tính dè dặt cẩn trọng và dùng khả năng phân biện. **Khi chúng ta có thể sử dụng khôn ngoan, thận trọng giữ gìn các hiểu biết, và phân biện đúng đắn, thì đó là bảo đảm chắc chắn nhất đối với các Huấn Sư đang trông nom nhân loại, rằng chúng ta đã sẵn sàng cho một sự thiên khai mới.**

Many of us are brought up on the idea that it is good to have more and more knowledge. Here, Master D.K. tells us that there is a limit to the knowledge which it is wise for the Guides of the race to impart. In the fall of Atlantis we have an extraordinary example of the catastrophic effects of wrongly-used knowledge. The Masters are anxious that no such disaster should again overtake humanity, so knowledge of the true fundamentals of the Wisdom and of the Mysteries is withheld from the many and imparted only to the trusted few.

Nhiều người trong chúng ta đưa ra ý kiến rằng việc có càng nhiều kiến thức càng tốt. Ở đây, Chân Sư D.K. cho chúng ta biết rằng có một giới hạn đối với kiến thức mà thật khôn ngoan để những Người dẫn dắt nhân loại có thể truyền đạt. Vào thời kì sụp đổ của Atlantis, chúng ta có một ví dụ đặc biệt về tác động thảm khốc của việc sử dụng sai kiến thức. Các Chân Sư lo lắng rằng không một thảm họa nào như thế sẽ xảy ra bất thành linh với nhân loại lần nữa, vì vậy kiến thức về các nguyên tắc cơ bản thực sự của Minh triết và Huyền môn được giữ kín với nhiều người và chỉ truyền đạt cho một số ít người đáng tin cậy.

To become initiate signifies that one may be trusted with secrets which, imparted to the unready, would be dangerous or even disastrous. We are asked to learn to be discrete in the impartation of occult knowledge—to distribute the treasures of the Ageless Wisdom only where they will really do more good than harm. The virtues of the planets Saturn and Mercury (the two planets of discipleship) are invoked—Saturn for withholding and Mercury for discrimination. The idea of “use” and utilization is also related to these two planets—planets of intelligent application.

The Mysteries of Initiation are so constructed that only those who are truly *fit* can partake. All others (i.e., those who do not meet the required standards), simply because of their vibratory condition, are spared the dangers of premature revelation and *cannot* (yet) become initiate.

So, we see, there is no wisdom in rushing forward. The tortoise wins the race and not the hare. When we are truly ready, revelation comes. So, the best policy is—with all humility—to see to our readiness. We prove our fitness for further revelation not only by our application, reservation and discrimination, but also (and perhaps, most importantly) through service. When all that we have is used wisely and lovingly in service, then we show that we are ready for further illumination. “There is no rush, not hurry, and yet there is not time to lose”.

Trở thành điểm đạo đồ có nghĩa là một người có thể được tin tưởng với những bí mật mà, nếu được truyền đạt cho những người chưa sẵn sàng, sẽ rất nguy hiểm hoặc thậm chí là tai hại. Chúng ta được yêu cầu học cách rời rạc trong việc truyền đạt kiến thức huyền môn—chỉ ban rải những kho báu của Minh triết Thiên liêng ở những nơi chúng thực sự có ích nhiều hơn có hại. Những phẩm tính của hai hành tinh Sao Thổ và Sao Thủy (hai hành tinh cai quản con đường đệ tử) được viện dẫn—Sao Thổ cho sự kìm hãm và Sao Thủy cho sự phân biệt. Ý tưởng về “việc sử dụng” và sự tận dụng cũng liên quan đến hai hành tinh này—những hành tinh của ứng dụng thông minh.

Các bí ẩn của Điểm đạo (Mysteries of Initiation) được cấu trúc để chỉ những người thực sự *phù hợp* mới có thể tham gia. Tất cả những người khác (tức là những người không đáp ứng các tiêu chuẩn bắt buộc), chỉ đơn giản là vì điều kiện rung động của họ, quá nguy hiểm cho một sự khai sáng vội vã, và vẫn chưa thể trở thành điểm đạo đồ.

Vì vậy, như chúng ta thấy, thật không khôn ngoan trong việc lao về phía trước. Rùa thắng cuộc đua chứ không phải thỏ. Khi chúng ta thực sự sẵn sàng, sự mặc khải sẽ đến. Vì vậy, cách tốt nhất là—với tất cả sự khiêm tốn—để thấy được sự sẵn sàng của chúng ta. Chúng ta chứng tỏ sự phù hợp của mình cho sự mặc khải xa hơn không chỉ bằng việc áp dụng, tích lũy và phân biệt của mình mà còn (và có lẽ, quan trọng nhất) qua việc phụng sự. Khi tất cả những gì chúng ta có được sử dụng một cách khôn ngoan và thương yêu vào việc phụng sự, thì chúng ta chứng tỏ rằng chúng ta đã sẵn sàng để được soi sáng hơn. “Không có sự hấp tấp hay vội vàng, cũng không có thời gian bị bỏ phí”.

We must resign ourselves to the fact that the only way in which we can find the clue to the mystery of the rays, systems, and hierarchies, lies in the study of the law of correspondences or analogy. It is the one thread by which we can find our way through the labyrinth, and the one [Page 7] ray of light that shines through the

darkness of the surrounding ignorance. H. P. Blavatsky, in *"The Secret Doctrine,"* has told us so, but as yet very little has been done by students to avail themselves of that clue.

Chúng ta phải chấp nhận sự kiện rằng việc nghiên cứu Luật Tương Ứng hay Tương Đồng là phương cách duy nhất để có thể tìm ra manh mối bí nhiệm của các cung, các hệ thống, và các huyền giai. Đó là sợi chỉ duy nhất có thể giúp chúng ta tìm đường qua mê lộ, và [7] là tia sáng duy nhất chiếu xuyên qua sự tối tăm của bức màn vô minh bao phủ chúng ta. H.P. Blavatsky đã nói như thế trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, nhưng cho đến nay các môn sinh vẫn chưa cố gắng bao nhiêu để lợi dụng được manh mối đó.

Here the Tibetan draws our attention to a great interpretive law—the Law of Correspondences, a more exacting version of the Law of Analogy. As we study the Tibetan, we see that He uses these laws constantly. We have to learn to do the same. Very little has yet been done along these lines. To think expansively and analogically is a great mental discipline, but one certainly worthy of cultivation. We simply begin by noting a pattern and asking ourselves, "What higher pattern does this pattern resemble?"; "What lower pattern does this pattern resemble"? The word "like" is the pivot to revelation. In a way, this is algebraic thinking. We are using "knowns" to solve for "unknowns", and the intuition is stimulated in the search.

Ở đây, Chân Sư Tây Tạng thu hút sự chú ý của chúng ta đến một quy luật diễn giải tuyệt vời—Luật Tương ứng, một phiên bản đòi hỏi hơn của Luật Tương đồng. Khi chúng ta nghiên cứu giáo lý của Chân sư Tây Tạng, chúng ta thấy rằng Ngài sử dụng những luật này liên tục. Chúng ta phải học cách làm như vậy. Rất ít việc đã được thực hiện theo những chỉ dẫn này. Nghĩ mở rộng và tương đồng là một kỹ luật trí tuệ lớn lao, nhưng chắc chắn là một điều đáng trau dồi. Chúng ta chỉ đơn giản bắt đầu bằng cách ghi nhận một khuôn mẫu và tự hỏi mình, "Khuôn mẫu cao hơn nào giống với khuôn mẫu này?"; "Khuôn mẫu thấp hơn nào giống với khuôn mẫu này"? Từ "giống như" là điểm then chốt của sự mặc khải. Theo một cách nào đó, đây là tư duy đại số. Chúng ta đang sử dụng "cái đã biết" để tìm "cái chưa biết" và trực giác được kích thích trong sự tìm kiếm này.

The Tibetan has said that the fourth ray mind is very important in His work. Via the fourth ray, analogical thinking may be successfully pursued and the intuition cultivated. Let us set ourselves some exercises. For instance, Venus is to the Earth as 'x' is to the Sun. Or, the higher correspondence of the fourth ether is what systemic plane? Or, the monad is to its man as Shamballa is to what? And so forth. These examples are drawn from technical occultism, however many more homely examples can be used to sharpen the analogical faculty.

Chân Sư Tây Tạng đã nói rằng thể trí cung bốn rất quan trọng trong công việc của Ngài. Thông qua cung bốn, tư duy tương đồng có thể được theo đuổi thành công và trực giác được trau dồi. Hãy để chúng ta tự đặt ra một số bài tập. Ví dụ, sao Kim đối với Trái đất giống như 'x' đối với Mặt trời. Hoặc, sự tương ứng cao hơn của cõi dĩ thái thứ tư là cõi giới hệ thống nào? Hoặc, chân thần đối với con người giống như Shamballa đối với cái gì? Và cứ như vậy... Những ví dụ này được rút ra từ huyền linh học kỹ thuật, tuy nhiên nhiều ví dụ đơn giản hơn có thể được sử dụng để làm sâu sắc hơn khả năng tương đồng.

In the study of this Law we need to remember that the correspondence lies in its essence, and not in the exoteric working out of detail as we think we see it from our present standpoint. The factor of time leads us astray for one thing; we err when we attempt to fix stated times or limits; all in evolution progresses through merging, with a constant process of overlapping and mingling. Only broad generalities and a recognition of fundamental points of analogy are possible to the average student. The moment he attempts to reduce to chart form and to tabulate in detail, he enters realms where he is bound to err, and staggers through a fog that will ultimately overwhelm him.

Khi nghiên cứu Luật này, chúng ta cần nên nhớ rằng có **sự tương ứng vốn ở trong nền tảng chứ không ở sự thể hiện của các chi tiết bề ngoài**, như chúng ta tưởng mình thấy được theo quan điểm hiện nay. Một lẽ là yếu tố thời gian làm chúng ta lạc hướng; chúng ta sai lầm khi cố ấn định rõ những thời khoảng hoặc giới hạn, mà trong cuộc tiến hóa, thì tất cả đều tiến triển thông qua sự hòa hợp, với một diễn trình luôn luôn chòng chéo và pha trộn lẫn nhau. Người môn sinh bình thường chỉ có thể nhận ra các điểm tương đồng cơ bản và những điều tổng quát mà thôi. Ngay khi y toan giản lược các điều đó thành những sơ đồ và bảng biểu chi tiết, là y bước vào các lĩnh vực dễ bị sai lầm, đi quanh co qua đám sương mù mà cuối cùng sẽ lạc lối trong đó.

The Tibetan offers us a warning: do not insist on too much detail as you use the Law of Correspondence and the Law of Analogy. Broad and general outlines are possible, revelatory and useful, but if there is an insistence on too much concrete detail, error will almost certainly enter. We do not yet know enough to work out the details. The concrete mind, though both necessary and useful, is (to quote the old teaching) "the slayer of the real". Humanity, in many respects, has quite enough of the concrete mind, and needs to transform it into the abstract and intuitional mind—the mind of "buddhi-manas".

Chân Sư Tây Tạng đưa cho chúng ta một lời cảnh báo: đừng nhấn mạnh quá nhiều vào chi tiết khi bạn sử dụng Luật Tương ứng và Luật Tương đồng. Các pháp thảo rộng và tổng quát là có thể thực hiện, mang tính khai sáng và hữu ích, nhưng nếu cố chấp vào quá nhiều chi tiết cụ thể, thì hầu như chắc chắn sẽ xảy ra lỗi. Chúng ta

vẫn chưa biết đủ để tìm ra các chi tiết. Cái trí cụ thể, mặc dù vừa cần thiết vừa hữu ích, là (trích lời dạy cũ) “kẻ giết chết sự thật”. Nhân loại, theo nhiều khía cạnh, có khá đủ trí cụ thể, và cần phải chuyển hóa nó thành trí trừu tượng và trực giác—trí “bồ đề—trí tuệ”.

It is a detailed knowledge of the Science of Cycles that is missing. Too little is known about cyclic time—and because of that insufficiency of knowledge, we will be led astray when we try to bring great analogies down into local space-time. For instance, we are told that there are 777 incarnations in the life of man ( $700 + 70 + 7$ ), but if we become too literal and think (perhaps that each incarnation lasts about 70 years, and that the cycle between lives may last for some multiple of 70) we will go sadly astray in calculating the duration of the total incarnational experience of the human being. Is it literally true, for instance, that the first phase of incarnation lasts ten times longer than the second and the second, ten times longer than the first (ND: the third)—thus the first, one hundred times longer than the third. ( $700/7=100$ )—or is it only symbolically true and not *literally* true. When we being analogizing from symbolical proportions (turning them into literal figures) much error can creep in.

The antahkarana, or the bridge between the concrete and the abstract is not yet entirely built, thus allowing the many failures in analogizing accurately from symbolic to accurate ratios and applying them to the concrete world of time and space.

Chúng ta còn thiếu kiến thức chi tiết về Khoa học Chu kỳ. Quá ít dữ liệu được biết về chu kỳ thời gian—và vì sự thiếu hụt kiến thức đó, chúng ta sẽ bị lạc hướng khi cố gắng mang những sự tương đồng lớn xuống không gian-thời gian nhỏ. Ví dụ, chúng ta được bảo rằng có 777 kiếp luân hồi trong cuộc đời của con người ( $700 + 70 + 7$ ), nhưng nếu chúng ta quá hiểu theo nghĩa đen và suy nghĩ (có lẽ rằng mỗi kiếp luân hồi kéo dài khoảng 70 năm và chu kỳ giữa các kiếp có thể kéo dài bằng một bội số của 70), chúng ta sẽ đi lạc một cách đáng buồn trong việc tính toán tổng số thời gian trải nghiệm hóa thân của con người. Chẳng hạn, có đúng theo nghĩa đen rằng giai đoạn hóa thân đầu tiên kéo dài hơn mười lần so với giai đoạn thứ hai và giai đoạn thứ hai, lâu hơn mười lần so với giai đoạn tiếp theo—do đó, giai đoạn đầu tiên dài hơn một trăm lần so với giai đoạn thứ ba. ( $700/7 = 100$ )—hay nó chỉ đúng về mặt biểu tượng và không đúng *theo nghĩa đen*. Khi chúng ta tương đồng hóa từ các tỷ lệ mang tính biểu tượng (biến chúng thành các chữ số theo nghĩa đen), có thể mắc phải nhiều lỗi.

Antahkarana, hay cầu nối giữa trí cụ thể và trí trừu tượng vẫn chưa được xây dựng hoàn toàn, do đó ta phải chấp nhận nhiều thất bại trong việc tương đồng hóa chính xác từ các tỷ lệ mang tính biểu tượng đến tỷ lệ chính xác và áp dụng chúng vào thế giới cụ thể của thời gian và không gian.

Nevertheless, in the scientific study of this law of analogy will come a gradual growth of knowledge, and in the slow accumulation of facts will gradually be built up an ever-expanding form, that will embody much of the truth. The student will then awake to the realization that after all the study and toil he has at least a wide general conception of the Logoiic thoughtform into which he can fit the details as he acquires them through many incarnations.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu Luật Tương Đồng một cách khoa học, kiến thức của chúng ta sẽ tăng dần, và khi từ từ được tích lũy, các sự kiện sẽ dần dà hợp thành một hình thể ngày càng rộng lớn, chứa đựng nhiều chân lý. Bất giờ người môn sinh sẽ nhận biết rằng, sau tất cả các cố gắng nghiên cứu, ít ra y cũng có được một ý niệm tổng quát về hình tư tưởng của Thượng Đế, để có thể gắn vào đó các chi tiết y hoạch đăc qua nhiều kiếp luân hồi.

An important principal of occultism is herewith offered: reason from the great to the small, from the general to the particular, from the abstract to the concrete. Yes, the many details will all fall into place, but first must come the broad and general outlines, which a proper (and wisely humble) use of the Law of Analogy and of Correspondence can reveal.

Một nguyên tắc quan trọng của huyền linh học được đưa ra ở đây: suy luận từ cái lớn đến cái nhỏ, từ cái chung đến cái riêng, từ cái trừu tượng đến cái cụ thể. Đúng vậy, nhiều chi tiết sẽ được đưa vào đúng chỗ, nhưng trước hết phải có những phác thảo rộng lớn và tổng quát, mà việc áp dụng đúng đăn (và khiêm tốn một cách khôn ngoan) Luật Tương đồng và Tương ứng có thể tiết lộ ra.

We seem to be told that it will require many incarnations before the details may be acquired. Incarnation is *concrete living*. In such living, details are revealed. One may also reason towards the acquisition of details; if one's reasoning is accurate (and if one's premises are sure), then detailed knowledge may also be reached in this way. As well, the intuition (infallible "straight knowledge") may also reveal concrete detail.

Chúng ta dường như được cho biết rằng sẽ cần nhiều kiếp luân hồi trước khi có thể thu đăt được các chi tiết. Luân hồi là *cuộc sống cụ thể*. Trong cuộc sống như vậy, các chi tiết được tiết lộ. Một người cũng có thể suy luận hướng tới việc đăt được các chi tiết; nếu lý luận của y là chính xác (và nếu cơ sở của y là chắc chắn), thì kiến thức cụ thể cũng có thể đăt được theo cách này. Ngoài ra, trực giác ("kiến thức trực tiếp" không thể sai lầm) cũng có thể tiết lộ chi tiết cụ thể.

We seem to be told that we must now rush ahead unwisely. Limits are being set, and we are told that we cannot accomplish everything in one incarnation. Many students of spirituality hope unduly for *too much*. What they hope to achieve is unrealistic, because their sense of co-measurement is not cultivate. The sign Libra

is most useful in the attempt to keep a sense of proportion. Libra holds the balance between the general and the particular, and between many of the other pairs of opposites as well.

Dường như chúng ta được bảo rằng bây giờ chúng ta phải lao về phía trước một cách thiếu khôn ngoan. Các giới hạn đang được thiết lập và chúng ta được bảo rằng chúng ta không thể hoàn thành mọi thứ trong một kiếp luân hồi. Nhiều học viên tâm linh hy vọng quá mức cho *quá nhiều điều*. Những gì họ hy vọng đạt được là không thực tế, bởi vì ý thức của họ về các đồng-kích thức họ không được trau dồi. Dấu hiệu Thiên Bình hữu ích nhất trong nỗ lực giữ một ý thức cân đối. Thiên Bình giữ sự cân bằng giữa cái chung và cái riêng, cũng như giữa nhiều cặp đối lập khác.

This brings us to the last point to be considered before entering upon the subject proper, which is: That the development of the human being is but the passing from one state of consciousness to another. It is a succession of expansions, a growth of that faculty of awareness that constitutes the predominant characteristic of the indwelling Thinker. It is the progressing from consciousness polarised in the personality, lower self, or body, to that polarised in the higher self, ego, or soul, thence to a polarisation in the Monad, or Spirit, till the consciousness eventually [Page 8] is Divine. As the human being develops, the faculty of awareness extends first of all beyond the circumscribing walls that confine it within the lower kingdoms of nature (the mineral, vegetable and animal) to the three worlds of the evolving personality, to the planet whereon he plays his part, to the system wherein that planet revolves, until it finally escapes from the solar system itself and becomes universal.

Điều này đưa chúng ta đến điểm chốt cần được xem xét trước khi đi vào chính chủ đề, đó là: Sự phát triển của con người chỉ là chuyển từ một trạng thái tâm thức này sang một trạng thái khác. Đó là một loạt những sự mở rộng, một sự tăng trưởng khả năng *ý thức* vốn là đặc tính quan trọng nhất của Chủ Thể Tư Tưởng nội tâm. Đó là sự tiến triển từ mức tâm thức được an trú trong phạm ngã, bản ngã thấp, hay con người, đến mức tâm thức được an trú vào Chân Ngã, Chân Nhân, hay linh hồn, rồi đến một sự an trú vào Chân Thần, hay Tinh thần, mãi cho đến cuối cùng là tâm thức [8] Thiên Liêng. Trong quá trình phát triển của con người, trước hết, năng lực ý thức mở rộng vượt qua những giới hạn giữ nó lại trong các giới thấp của thiên nhiên (khoáng chất, thực vật, và động vật), đến ba cõi tiến hóa của phạm ngã, đến hành tinh mà y có vai trò trong đó, rồi đến thái dương hệ mà hành tinh này quay trong đó, cho đến cuối cùng nó vượt khỏi chính thái dương hệ và trở thành tâm thức vũ trụ.

In the first solar system, evolution meant principally the development of form. In this second solar system, the emphasis is upon the growth of *consciousness*, and the development of the form is an incidental, meant to serve the expansion and



refinement of consciousness. The breath becomes the stone, the stone the plant, the plant the animal, the animal the man and the man the god. All is sequential and progressive. Consciousness is forever exactly what it is, and essentially is colorless and everywhere, essentially, the same. But the vehicle through which consciousness works changes progressively—with evolution. The same consciousness entrapped in mineral life, will one day look out (self-consciously) upon the human experience, and still later upon *divine* experience.

Trong thái dương hệ đầu tiên, sự tiến hóa về cơ bản có nghĩa là sự phát triển của hình tướng. Trong thái dương hệ thứ hai này, trọng tâm là sự phát triển của *tâm thức*, và sự phát triển của hình tướng là một việc phụ, có nghĩa là phục vụ cho việc mở rộng và hoàn thiện tâm thức. ‘Hơi thở’<sup>1</sup> trở thành khoáng vật, khoáng vật trở thành thực vật, thực vật thành động vật, động vật thành con người và con người thành thượng đế. Tất cả là tuần tự và tiến bộ. Tâm thức mãi mãi chính xác như nó là, và về cơ bản là vô sắc và ở mọi nơi, về cơ bản, là một. Nhưng phương tiện mà tâm thức hoạt động thông qua thay đổi dần—cùng với sự tiến hóa. Cũng tâm thức đó được bao bọc trong cuộc sống khoáng vật, một ngày nào đó sẽ nhìn ra (tự tri) theo kinh nghiệm của con người, và sau nữa là kinh nghiệm *thiên nhiên*.

The monad descends and the monad ascends. This simply means that the monad is subjected to certain ‘initial compulsory perceptions’, but that later these compelled perceptions give way to ever broader and more ample perceptions, until at length, perceptions become universal—another way of saying *solar systemic* perceptions.

Chân thần giáng hạ và chân thần thăng thượng. Điều này đơn giản có nghĩa là chân thần chịu/bị phụ thuộc vào một số ‘nhận thức bắt buộc ban đầu’ nhất định, nhưng về sau những nhận thức bắt buộc này sẽ nhường chỗ cho những nhận thức ngày càng rộng và phong phú hơn, cho đến khi về lâu dài, nhận thức trở nên đại đồng—một cách nói khác của những nhận thức thuộc *thái dương hệ*.

Initiation is not a matter of *form*. The form of the initiate may demonstrate that he/she is, indeed, initiate, but the main focus is the initiate’s *consciousness*—which continues to grow even though (and, perhaps, *because*) the form may suffer in many incarnations. What happens to the form is not at all the main point. The form may prosper and the consciousness stagnate. The form may be wracked by every imaginable ill and distress, and yet the consciousness may advance. Evaluation of success is based upon the expansion and refinement of consciousness.

---

<sup>1</sup> Hơi thở là biểu tượng của Chân thần

Điểm đạo không phải là vấn đề của *hình tướng*. Hình tướng của điểm đạo đồ có thể chứng tỏ rằng anh ta / cô ta thực sự là điểm đạo đồ, nhưng trọng tâm chính là *tâm thức* của điểm đạo đồ—tiếp tục phát triển mặc dù (và, có lẽ, *bởi vì*) hình tướng có thể phải chịu đựng trong nhiều kiếp luân hồi. Những gì xảy ra với hình tướng hoàn toàn không phải là điểm chính yếu chút nào. Hình tướng có thể khởi sắc và tâm thức có thể tri tuệ. Hình tướng có thể bị bao trùm bởi mọi bệnh tật và đau khổ có thể tưởng tượng được, nhưng tâm thức vẫn có thể tiến lên. Đánh giá sự thành công dựa trên sự mở rộng và thanh lọc của tâm thức.

In all we have read in this chapter, humility and co-measurement are enjoined upon us. We can set our sights towards the “great beyond” but must be realistic about the time-equation realistically related to attainment. Our origin and destiny are both great. Our present condition is very limited—at least during our waking hours, though this will soon give way to a more cognizant and sensitive state.

Trong tất cả những gì chúng ta đã đọc trong chương này, chúng ta bắt buộc phải khiêm tốn và giữ kích thước đồng bộ. Chúng ta có thể đặt tầm nhìn của mình về phía “vĩ đại vượt xa” nhưng phải thực tế về yếu tố thời gian thực tế liên quan đến thành tựu đạt được. Cả nguồn gốc và vận mệnh của chúng ta đều vĩ đại. Tình trạng hiện tại của chúng ta còn rất hạn chế—ít nhất là trong thời gian thức của chúng ta, mặc dù điều này sẽ sớm nhường chỗ cho trạng thái nhận thức và nhạy cảm hơn.

The true student of initiation is always practical. We are aiming for the “stars” (quite literally), but our feet must be on “terra firma”. If not, we will fall and delay our progress as well as the progress of those karmically and dharmically related to us. We are staring a Path which may take many lives to complete—perhaps five thousand years, perhaps ten, perhaps more. If we are impatient, it shows that we are under the spell of the lower ego—something which all initiates must eventually shatter. If we are too sluggish, it simply demonstrates that our sense of values need adjusting, and that we are putting second things first, and first things second.

Người môn sinh của điểm đạo chân chính luôn thực tế. Chúng ta đang hướng tới “những vì sao” (theo đúng nghĩa đen), nhưng đôi chân của chúng ta phải đặt vững chắc trên mặt đất (“terra firma”). Nếu không, chúng ta sẽ sa ngã và trì hoãn sự tiến bộ của chúng ta cũng như sự tiến triển của những ai liên quan về mặt nghiệp quả và nghĩa vụ với chúng ta. Chúng ta đang chăm chú vào một Con đường mà có thể mất nhiều kiếp để hoàn thành—có lẽ là năm nghìn năm, có lẽ là mười nghìn năm, có lẽ hơn thế nữa. Nếu chúng ta thiếu kiên nhẫn, thì điều đó cho thấy rằng chúng ta đang bị sự thao túng của phạm ngã thấp kém—thứ mà tất cả những điểm đạo đồ cuối cùng đều phải phá vỡ. Nếu chúng ta quá chậm chạp, thì điều đó đơn giản chứng tỏ rằng ý thức về giá trị của chúng ta cần được điều chỉnh, và chúng ta

đang đặt những điều đứng thứ hai lên hàng đầu và những điều thứ nhất thành thứ hai.

The Noble Middle Path (involving, for most, spiritual moderation) leads straight to the goal, and under Libra, to Shamballa as well. We begin with the fundamentals. We make sure we have really mastered them, and then we proceed to more abstruse consideration—but all slowly, carefully, gradually.

The Path of Initiation is long—though relatively shorter than the Path of Discipleship, and much shorter than the normal Path of Evolution, but we are being given a picture of what is *really* involved—not at all a glamorous picture, not a picture appealing to the selfish, little largely, unconscious personality. Initially, we will show our fitness for initiation by the manner in which we respond to such instruction as the Tibetan offers.

Con đường Trung đạo Cao quý (hầu hết liên quan đến sự điều độ về mặt tinh thần), dưới sự cai quản của Thiên bình, dẫn thẳng đến mục tiêu là Shamballa. Chúng ta bắt đầu với các nguyên tắc cơ bản. Chúng ta đảm bảo rằng chúng ta đã thực sự làm chủ chúng, và sau đó chúng ta tiến hành xem xét một cách sâu sắc hơn—nhưng tất cả phải chậm chạp, cẩn thận, dần dần.

Con đường Điểm đạo thì dài—mặc dù tương đối ngắn hơn Con đường Đệ tử và ngắn hơn nhiều so với Con đường Tiến hóa bình thường, nhưng chúng ta đang được cung cấp một bức tranh về những gì *thực sự* liên quan—hoàn toàn không phải là một bức tranh mang tính ảo cảm, không phải một bức tranh hấp dẫn với phàm ngã ích kỷ, mà phần lớn, vô ý thức. Ban đầu, chúng ta sẽ thể hiện sự phù hợp của chúng ta cho cuộc điểm đạo bằng cách chúng ta đáp lại chỉ dẫn này mà Chân Sư Tây Tạng đưa ra.